

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ CUỐI HỌC KÌ I
KHỐI 12
(Tuần 15, 16)

I. LÝ THUYẾT

- Bài 2: Vị trí địa lí
- Bài 6- 7: Đất nước nhiều đồi núi
- Bài 8: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng của Biển Đông
- Bài 9-10: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- Bài 11-12 : Thiên nhiên nước ta phân hoá đa dạng
- Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên
- Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

II. KĨ NĂNG

- Đọc Atlas Địa lí Việt Nam
- Nhận xét bảng số liệu

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (10 ĐIỂM)

Nhận Biết

- Bài 2: Vị trí địa lí

Câu 1 : Đảo nước ta có khoảng

- A. 3000 đảo lớn, nhỏ. B. 4000 đảo lớn, nhỏ. C. 5000 đảo lớn, nhỏ. D. 6000 đảo lớn, nhỏ.

Câu 2 : Vùng đặc quyền kinh tế là

- A. Vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
B. Vùng biển rộng 200 hải lí từ đường cơ sở ra ngoài.
C. Vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế. D. Vùng tính từ đường cơ sở vào Câu 13

Câu 3: Lãnh hải là

- A. Vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. B. Vùng biển rộng 200 hải lí.
C. Vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế. D. Vùng có độ sâu 200m.

Câu 4 : Nội thủy là

- A. Vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. B. Vùng biển rộng 200 hải lí.
C. Vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế. D. Vùng tính từ đường cơ sở vào đất liền.

Câu 5 : Vùng tiếp giáp lãnh hải là

- A. Vùng được xem là vùng biển quốc tế, tính từ lãnh hải ra ngoài 12 hải lí.
B. Vùng biển rộng 200 hải lí. C. Vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế.
D. Vùng tính từ đường cơ sở trở vào đất liền.
đất liền.

Câu 6 : Thềm lục địa là

- A. Vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
B. Vùng biển rộng 200 hải lí từ đường cơ sở ra ngoài.
C. Vùng đất chìm dưới đáy biển đến độ sâu 200m, rộng tới đa 350 hải lí.
D. Vùng tính từ đường cơ sở vào đất liền.

Tự Nhiên

Bài 6-7

Câu 1: Nhận định nào sau đây là đúng về đặc điểm địa hình của nước ta?

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích. B. Phần lớn là đồng bằng.

C. Hướng địa hình chủ yếu là Đông Bắc- Tây Nam. D. Địa hình ít chịu tác động của con người.

Câu 2: Khu vực địa hình hướng vòng cung là

- A. Vùng núi Đông Bắc, Trường Sơn Nam. B. Vùng núi Đông Bắc, Tây Bắc.
C. Vùng núi Đông Bắc, Trường Sơn Bắc. D. Vùng núi Tây Bắc, Trường Sơn Nam.

Câu 3 : Dãy núi cao nhất nước ta là

- A. Trường sơn Nam. B. Hoàng Liên Sơn. C. Bạch Mã. D. Hoàng Sơn.

Bài 8

Câu 1: Biển Đông chủ yếu nằm trong vùng

- A. Nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Cận nhiệt. C. Xích đạo. D. Ôn đới.

Câu 2: Biển Đông là biển tương đối kín là do

- A. Nằm sâu trong lục địa. B. Đảo, quần đảo, bán đảo bao bọc.
C. Các bán đảo che chắn. D. Các đảo che chắn.

Câu 3: Dạng địa hình nào sau đây không chịu tác động của biển Đông?

- A. Vịnh, cửa sông, cồn cát. B. Vũng, vịnh, đảo.
C. Hang động, dòng ngầm. D. Bãi triều, cồn cát, bãi biển, đầm, phá.

Bài 9-10

Câu 1 : Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do.

- A. Nằm trong vùng ngoại chí tuyến B. Nằm trong vùng nội chí tuyến.
C. Nằm trong vùng gió mùa. D. Nằm trong vùng xích đạo.

Câu 2 : Nước ta có lượng mưa và độ ẩm lớn là do

- A. Nằm trong vùng nội chí tuyến. B. Địa hình chắn gió.
C. Các khối khí di chuyển qua biển. D. Nằm sâu trong lục địa.

Câu 3 : Gió mùa Đông ở nước ta thổi theo hướng

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Đông Nam. D. Tây Nam.

Bài 11-12

Câu 1 : Giới hạn để phân chia khu vực phía Bắc và phía Nam là

- A. Dãy Hoàng Sơn. B. Dãy Trường Sơn. C. Sông Cả. D. Dãy Bạch Mã.

Câu 2 : Khí hậu của khu vực phía Nam chủ yếu là

- A. Ôn đới. B. Cận nhiệt. C. Nhiệt đới. D. Cận Xích Đạo.

Câu 3 : Đại cận nhiệt gió mùa trên núi chủ yếu là đất

- A. Badan. B. Mùn. C. Mùn thô. D. Phù sa cổ.

Bài 14

Câu 1 : Các biện pháp bảo vệ rừng nào sau đây là không đúng ?

- A. Ban hành luật bảo vệ rừng. B. Có kế hoạch trồng rừng.
C. Giao đất rừng cho dân quản lí. D. Phát triển lối sống du canh du cư của đồng bào dân tộc.

Câu 2 : Hiện tượng nào sau đây làm suy giảm sự đa dạng sinh học nghiêm trọng ?

- A. Mất rừng. B. Nguồn nước ô nhiễm.
C. Khai thác bừa bãi. D. Mất rừng và nguồn nước ô nhiễm.

Câu 3 : Diện tích đất nông nghiệp nước ta là

- A. 9,4 triệu ha. B. 12,7 triệu ha. C. 5 triệu ha. D. 5,35 triệu ha.

Câu 4 : Hiện tượng sa mạc hóa đất nông nghiệp ở nước ta là do

- A. Không bảo vệ đất nông nghiệp. B. Đất bị rửa trôi.
C. Đất nghèo dần dinh dưỡng. D. Thâm canh.

Câu 5: Đồng bào vùng núi Tây Bắc đã sử dụng biện pháp canh tác nào để bảo vệ đất nông nghiệp ?

- A. Thâm canh. B. Quảng canh. C. Xen canh. D. Làm ruộng bậc thang.

Câu 6 : Tài nguyên nào sau đây là tài nguyên vô tận

- A. Nước, khí hậu. B. Nước và khoáng sản.
C. Dầu khí , sắt ,đồng, chì. D. Khí hậu, sắt ,đồng, chì.

Bài 15

Câu 1 : Trình trạng mất cân bằng sinh thái ở nước ta biểu hiện ở

- A. Sự biến đổi bất thường về thời tiết, khí hậu. B. Sự suy giảm các nguồn tài nguyên.
C. Sự ô nhiễm đất, nước, không khí. D. Sự suy giảm các loài động thực vật.

Câu 2 : Trình trạng mất cân bằng sinh thái ở nước ta không biểu hiện qua vấn đề nào sau đây ?

- A. Sự biến đổi bất thường về thời tiết, khí hậu. B. Gia tăng cường độ bão.
C. Hạn hán ngày càng trầm trọng hơn. D. Khoáng sản cạn kiệt.

Câu 3: Trình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta biểu hiện qua

- A. Gia tăng cường độ bão. B. Sự suy giảm các nguồn tài nguyên.
C. Sự ô nhiễm đất, nước, không khí. D. Sự suy giảm các loài động thực vật.

Câu 4 : Hoạt động bão ở nước ta diễn ra trong thời gian nào ?

- A. Tháng 6 đến tháng 12. B. Tháng 5 đến tháng 11.
C. Tháng 6 đến tháng 11. D. Tháng 6 đến tháng 10.

Câu 5 : Bão nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng

- A. Tháng 8. B. Tháng 9. C. Tháng 10. D. Tháng 11.

Câu 6 : Vùng chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão là

- A. Miền Bắc. B. Miền Trung. C. Miền Nam. D. Tây Nguyên.

Atlas

Câu 1 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền của nước ta giáp với Trung Quốc không có tỉnh nào sau đây ?

- A. Lạng Sơn. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.

Câu 2 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết trong số 10 tỉnh biên giới trên đất liền của nước ta giáp với Lào không có tỉnh nào sau đây ?

- A. Điện Biên. B. Sơn La. C. Nghệ An. D. Quảng Ngãi.

Câu 3 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết trong số 10 tỉnh biên giới trên đất liền của nước ta giáp với Campuchia không có tỉnh nào sau đây ?

- A. Kiên Giang. B. Đồng Tháp. C. Long An. D. Tiền Giang.

Câu 4 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết biên giới trên đất liền của nước ta giáp với các nước nào ?

- A. Trung Quốc , Lào , Mianma. B. Trung Quốc , Lào, Campuchia.
C. Trung Quốc , Lào, Thái Lan. D. Trung Quốc , Lào , Malayxia.

Câu 5 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết biên giới trên đất liền của nước ta có bao nhiêu tỉnh giáp với Campuchia?

- A. 8 tỉnh. B. 9 tỉnh. C. 10 tỉnh. D. 11 tỉnh.

Câu 6 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết biên giới trên đất liền của nước ta có bao nhiêu tỉnh giáp với Lào ?

- A. 8 tỉnh. B. 9 tỉnh. C. 10 tỉnh. D. 11 tỉnh.

Câu 7 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết biên giới trên đất liền của nước ta có bao nhiêu tỉnh giáp với Trung Quốc ?

- A. 8 tỉnh. B. 9 tỉnh. C. 10 tỉnh. D. 7 tỉnh.

Câu 8 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết các thành phố nào dưới đây trực thuộc trung ương ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Biên Hòa. C. Huế . D. Cần Thơ.

Câu 9 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết quần đảo Trường Sa thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Quảng Nam. D. Quảng Ngãi.

Câu 10 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết huyện đảo Phú Quốc thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Kiên Giang. B. Cà Mau. C. Bạc Liêu. D. Sóc Trăng.

Câu 11 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết huyện đảo Côn Đảo thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Sóc Trăng. B. Trà Vinh. C. Tiền Giang. D. Bà Rịa- Vũng Tàu.

Câu 12 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết huyện đảo Phú Quý thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Bà Rịa- Vũng Tàu. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 13 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết huyện đảo Lý Sơn thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Khánh Hòa. D. Bình Định.

Câu 14 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy cho biết huyện đảo Cồn Cỏ thuộc đơn vị hành chính tỉnh ?

A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Thừa Thiên – Huế.

Câu 15: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết tần suất bão nhiều nhất ở nước ta là

A. Tháng 7. B. Tháng 8. C. Tháng 9. D. Tháng 10.

Câu 16 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết các lưu vực sông nào sau đây là lớn nhất ?

A. Lưu vực sông Hồng. B. Lưu vực sông Cả.
C. Lưu vực sông Mã. D. Lưu vực sông Đà Rằng.

Câu 17 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất ?

A. Sông Thái Bình. B. Sông Hồng. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Cửu Long.

Câu 18 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết nước ta phân làm mấy phân khu địa lí động thực vật ?

A. 6 phân khu động thực vật. B. 7 phân khu động thực vật.
C. 8 phân khu động thực vật. D. 9 phân khu động thực vật.

Câu 19 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 13,14, hãy cho biết giới hạn của miền Đông Bắc và Đồng bằng sông Hồng nằm ở

A. Dãy Bạch Mã về Nam. B. Dãy Bạch Mã trở ra Bắc.
C. Tả ngạn sông Hồng. D. Hữu ngạn sông Hồng.

Câu 20 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 13,14, hãy cho biết giới hạn của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nằm ở

A. Dãy Bạch Mã về Nam. B. Dãy Bạch Mã trở ra Bắc.
C. Giữa sông Hồng và dãy Bạch Mã. D. Hữu ngạn sông Hồng.

Câu 21 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 13,14, hãy cho biết giới hạn của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. Dãy Bạch Mã về Nam. B. Dãy Bạch Mã trở ra Bắc.
C. Giữa sông Hồng và dãy Bạch Mã. D. Hữu ngạn sông Hồng.

Thông hiểu:

Bài 2

Câu 1 : Nước Việt Nam nằm ở

- A. Bán đảo Trung Ấn, khu vực cận nhiệt đới.
- B. Phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- C. Phía đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới.
- D. Rìa phía đông châu Á, khu vực ôn đới.

Câu 2 : Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất toàn vẹn, bao gồm

- A. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.
- B. Vùng đất, vùng biển, vùng núi.
- C. Vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.
- D. Vùng đất, hải đảo, vùng trời.

Câu 3 : Vùng biển quốc tế là vùng

- A. Nội thủy.
- B. Lãnh hải.
- C. Tiếp giáp lãnh hải.
- D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 4 : Biên giới quốc gia trên biển là vùng

- A. Nội thủy.
- B. Lãnh hải.
- C. Tiếp giáp lãnh hải.
- D. Đặc quyền kinh tế.

Bài 6-7

Câu 1: Nhận định nào sau đây là không đúng về địa hình nước ta?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.
- B. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Địa hình chịu tác động của con người.
- D. Địa hình của vùng cận nhiệt.

Câu 2: Biểu hiện nào sau đây là đúng của địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Bờ biển bị xâm thực và mài mòn.
- B. Có nhiều dòng chảy không thường xuyên.
- C. Cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.
- D. Xâm thực mạnh ở miền núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng.

Bài 8

Câu 1: Các đặc điểm nào sau đây của thiên nhiên nước ta không chịu ảnh hưởng của biển Đông?

- A. Do nước ta nằm ven biển Đông nên bão nhiều.
- B. Nước ta có lượng mưa và độ ẩm cao.
- C. Khí hậu mang tính chất hải dương.
- D. Khí hậu khô hạn.

Câu 2: Vùng chịu tác động của bão biển nhiều nhất nước ta là

- A. Miền Bắc.
- B. Miền Trung.
- C. Miền Nam.
- D. Đông Nam Bộ.

Bài 9-10

Câu 1 : Gió mùa Đông Bắc ở nước ta vào đầu mùa đông mang tính chất lạnh khô là do gió

- A. Di chuyển từ lục địa Trung Quốc sang.
- B. Di chuyển từ vịnh Bắc Bộ vào.
- C. Di chuyển từ Lào sang.
- D. Di chuyển từ Biển Đông vào.

Câu 2 : Vùng Tây Bắc sông ngòi chủ yếu chảy theo hướng

- A. Tây Bắc - Đông Nam.
- B. Tây – Đông.
- C. Đông Bắc – Tây Nam.
- D. Vòng cung.

Bài 11-12

Câu 1 : Phân hóa khí hậu theo chiều Bắc- Nam là phân hóa theo

- A. Kinh độ.
- B. Vĩ độ.
- C. Độ cao.
- D. Đông- Tây.

Câu 2 : Giữa Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây đối lập với nhau về mùa là do

- A. Ảnh hưởng của gió mùa Đông.
- B. Ảnh hưởng của gió mùa Hạ.
- C. Ảnh hưởng của biển Đông.
- D. Ảnh hưởng của bức chắn địa hình.

Bài 14

Câu 1: Diện tích rừng nước ta đang phục hồi là do

- A. Ngăn chặn phá rừng.
- B. Trồng rừng, rừng tự mọc lại.
- C. Giao đất rừng cho dân quản lí.
- D. Hạn chế du canh, du cư.

Câu 2 : Miền núi mở rộng diện tích đất nông nghiệp phải cẩn thận là do

- A. Thiếu nước.
- B. Hệ thống thủy lợi hạn chế.
- C. Địa hình dốc.
- D. Hệ thống giao thông hạn chế.

Câu 3 : Diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng ngày càng thu hẹp là do

- A. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng.
C. Làm đường giao thông.

- B. Chuyển sang đất chuyên dùng.
D. Xây dựng khu công nghiệp.

Bài 15

Câu 1 : Trình trạng ô nhiễm môi trường trầm trọng ở nước ta chủ yếu là do

- A. Chất thải công nghiệp, sinh hoạt. B. Dân số nước ta tăng nhanh.
C. Sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên. D. Diện tích rừng nước ta giảm mạnh.

Câu 2 : Nguyên nhân làm môi trường đô thị ở nước ta ô nhiễm trầm trọng là

- A. Diện tích rừng nước ta giảm mạnh. B. Dân số đô thị nước ta tăng nhanh.
C. Sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên. D. Dân tập trung quá đông, cơ sở hạ tầng yếu.

Câu 3 : Biện pháp nào là quan trọng nhất để hạn chế thiệt hại do bão gây ra ?

- A. Dự báo thời tiết chính xác. B. Gia cố lại bờ biển, đê.
C. Sơ tán người và tài sản ra khỏi tâm bão. D. Thành lập các đội cứu hộ.

Câu 4 : Biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp phòng chống bão ?

- A. Dự báo thời tiết chính xác. B. Sơ tán người và tài sản ra khỏi tâm bão.
C. Gia cố lại bờ biển, đê. D. Quy hoạch lại điểm dân cư.

Bảng số liệu

Cho bảng số liệu:

SỰ BIẾN ĐỔI DIỆN TÍCH RỪNG QUA MỘT SỐ NĂM

năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43
1983	7,2	6,8	0,4	22
2005	12,7	10,2	2,5	38

Câu 1 : Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên ?

- A. Từ năm 1943 đến năm 1983 diện tích rừng nước ta giảm mạnh.
B. Từ năm 1983 đến năm 2005 diện tích rừng nước ta phục hồi.
C. Từ năm 1943 đến năm 2005 diện tích rừng nước ta giảm liên tục.
D. Độ che phủ rừng tỉ lệ thuận với diện tích rừng.

Câu 2 : Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên ?

- A. Từ năm 1943 đến năm 2005 diện tích rừng nước ta diện tích rừng nước ta ta tăng lên.
B. Từ năm 1943 đến năm 2005 diện tích rừng nước ta giảm liên tục.
C. Từ năm 1983 đến năm 2005 độ che phủ rừng nước ta giảm.
D. Độ che phủ rừng tỉ lệ thuận với diện tích rừng.

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CẢ NĂM CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG QUA CÁC NĂM

Đơn vị : nghìn ha

Năm	2005	2008	2010
Đồng bằng sông Hồng	1139	1110	1105
Đồng bằng sông Cửu Long	3826	3859	3946

1. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu?

- A. Diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng giảm liên tục.
B. Diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng.

C. Diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

D. Năm 2008 diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long nhỏ hơn diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng.

Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP, CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN
Ở NƯỚC TA NĂM 2000- 2010**

Đơn vị : tỉ

đồng

Năm	2000	2005	2008	2010
Lâm nghiệp	5902	6316	6786	7388
Chăn nuôi	18482	26051	31326	36824
Thủy sản	21801	38784	50082	57068

1. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

A. giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp tăng liên tục.

B. giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi tăng liên tục.

C. giá trị sản xuất của ngành thủy sản tăng liên tục.

D. giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi lớn nhất.

Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA
NĂM 2000 VÀ NĂM 2010**

Đơn vị : nghìn tỉ đồng

năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2000	129,1	101,1	24,9	3,1
2010	540,2	396,7	135,2	8,3

1. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

A. Trồng trọt tăng giá trị sản xuất.

B. Chăn nuôi tăng giá trị sản xuất.

C. Dịch vụ tăng giá trị sản xuất.

D. Chăn nuôi luôn có giá trị sản xuất lớn nhất.

Diện Tích Một Số Loại Cây Trồng Ở Nước Ta Trong Giai Đoạn 2000-2010

Đơn vị : Nghìn ha

Năm	2000	2005	2008	2010
Cây lúa	7666	7329	7400	7489
Cây Công nghiệp hàng năm	778	862	806	798
Cây công nghiệp lâu năm	1451	1634	1886	2011

1. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

A. Diện tích cây lúa nước ta có xu hướng giảm

B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng không liên tục.

C. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng liên tục.

D. Diện tích cây lúa giảm liên tục.

Cho bảng số liệu:

**Diện Tích Rừng Và Giá Trị Sản Xuất Lâm Nghiệp Phân Theo Ngành Của Nước Ta
Qua Các Năm**

Năm	Diện tích rừng(nghìn ha)	Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	Chia ra		
			Trồng rừng (tỉ đồng)	Khai thác lâm sản (tỉ đồng)	Dịch vụ(tỉ đồng)

2000	10916	7674	1132	6235	307
2003	11975	8653	1250	6882	521
2005	12419	9495	1403	7550	542
2010	13515	18715	2711	14012	1992

1. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích rừng tăng liên tục.
- B. Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng liên tục.
- C. Giá trị trồng rừng tăng liên tục.
- D. Dịch vụ lâm nghiệp tăng chậm hơn khai thác lâm sản.

Cho bảng số liệu:

Sản Lượng Và Giá Trị Sản Xuất Thủy Sản Của Nước ta

Năm	2005	2006	2007	2010
Sản lượng (nghìn tấn)	3467	3722	4200	5142
- Khai thác	1988	2027	2075	2414
- Nuôi trồng	1479	1695	2125	2728
Giá trị sản xuất (tỉ đồng)	63678	74493	89694	153170

1. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Khai thác thủy sản có tốc độ tăng nhanh hơn nuôi trồng.
- B. Sản lượng nuôi trồng năm 2007 thấp hơn khai thác.
- C. Giá trị sản xuất thủy sản tăng không liên tục.
- D. Sản lượng thủy sản tăng liên tục.

3. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

- A. Khai thác thủy sản có tốc độ tăng chậm hơn nuôi trồng.
- B. Sản lượng nuôi trồng năm 2007 cao hơn khai thác.
- C. Giá trị sản xuất thủy sản tăng không liên tục.
- D. Sản lượng thủy sản tăng liên tục.

Cho bảng số liệu:

Giá Trị Sản Xuất Công Nghiệp Phân Theo Ngành Ở Nước Ta.

Đơn vị : tỉ đồng

Năm	2000	2003	2005	2010
Công nghiệp khai thác mỏ	53 035	84 040	110 919	250 466
Công nghiệp chế biến	264 459	504 364	818 502	2 563 031
Sản xuất điện, khí đốt, nước	18 606	31 664	54 601	132 501

1. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Giá trị sản xuất điện, khí, nước năm 2005 cao hơn công nghiệp khai thác mỏ.
- B. Năm 2010 giá trị sản xuất của công nghiệp khai thác mỏ thấp nhất.
- C. Công nghiệp chế biến có giá trị lớn nhất qua các năm.
- D. công nghiệp khai thác mỏ luôn có giá trị nhỏ nhất.

2. Nhận xét nào sau đây là không đúng với bảng số liệu trên?

- A. Công nghiệp chế biến có giá trị lớn nhất qua các năm.
- B. công nghiệp khai thác mỏ tăng giá trị liên tục.
- C. công nghiệp chế biến tăng giá trị liên tục.
- D. Năm 2010 giá trị sản xuất của công nghiệp khai thác mỏ thấp nhất.

Cho bảng số liệu:

Diện Tích Và Năng suất Lúa Cả Năm Của Nước Ta.

Năm	Diện tích (nghìn ha)		Năng suất (tạ/ha)
	Tổng số	Lúa đông xuân	
2000	7 666	3 013	42,4

2003	7 452	3 023	46,4
2005	7 329	3 086	48,9
2010	7 489	3 980	53,4

1. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích lúa có xu hướng giảm liên tục.
- B. Năng suất lúa có xu hướng giảm.
- C. Diện tích lúa đông xuân tăng liên tục.
- D. Diện tích lúa năm 2000 thấp hơn năm 2003.

Cho bảng số liệu:

Giá Trị Sản Xuất Nông Nghiệp Phân Theo Ngành Của Nước Ta

Đơn vị : tỉ đồng

Năm	2000	2003	2005	2009	2010
Trồng trọt	101 044	116 065	134 755	306 648	396 734
Chăn nuôi	24 960	34 357	45 226	116 577	135 137
Dịch vụ nông nghiệp	3 137	3 433	3 362	6 997	8 292

1. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Trồng trọt tăng giá trị liên tục.
- B. Chăn nuôi có giá trị tăng trưởng chậm hơn trồng trọt.
- C. Năm 2010 dịch vụ nông nghiệp có giá trị lớn hơn trồng trọt.
- D. Chăn nuôi luôn chiếm giá trị lớn nhất.

ATLAT

Câu 1 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận định nào sau đây là không đúng với phân bố lượng mưa ở nước ta ?

- A. Lượng mưa phân bố không đều giữa các vùng.
- B. Lượng mưa phân bố phía nam nhiều hơn phía bắc.
- C. Ở Huế địa hình chắn gió mưa nhiều .
- D. Lượng mưa phân bố đều giữa các vùng.

Câu 2 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực có mưa nhiều nhất là

- A. Huế.
- B. Nam Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận định nào sau đây là không đúng với phân bố nhiệt độ trung bình năm ở nước ta ?

- A. Nhiệt độ phân bố không đều giữa các vùng.
- B. Nhiệt độ trung bình năm ở phía Nam cao hơn phía Bắc.
- C. Nhiệt độ ở núi cao thấp hơn đồng bằng.
- D. Nhiệt độ trung bình năm giữa các vùng không có sự chênh lệch.

Câu 4 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm ở nước ta cao nhất ở

- A. Nam Bộ.
- B. Bắc trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Bắc.

Câu 5 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ tháng thấp nhất nước ta là

- A. Tháng 1.
- B. Tháng 7.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 12.

Câu 6 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ tháng cao nhất nước ta là

- A. Tháng 1.
- B. Tháng 7.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 12.

Câu 7 : Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực bão tập trung nhiều nhất là

- A. Miền Trung.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Vùng Đông Bắc.
- D. Nam Bộ.

Câu 8 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa hạ gây mưa ở đồng bằng sông Hồng theo hướng

A. Đông Bắc. B. Tây Nam. C. Tây Bắc. D. Đông Nam.

Câu 15 : Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng có mưa thấp nhất là

A. Huế. B. Ninh Thuận, Bình Thuận. C. Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

VẬN DỤNG

Câu 1 : Đảo Lí Sơn nằm trong vùng

A. Nội thủy. B. Lãnh hải. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 2 : Đảo Côn Sơn nằm trong vùng

A. Nội thủy. B. Lãnh hải. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 3 : Gió mùa Đông Bắc gây mưa nhiều ở sườn núi

A. Phía Tây Trường Sơn. B. Phía Đông Trường Sơn.

C. Phía tây dãy Hoàng Liên Sơn. D. Phía nam dãy Bạch Mã.

Câu 4 : Đầu mùa Hạ mưa nhiều ở sườn núi

A. Phía Tây Trường Sơn. B. Phía bắc dãy Bạch Mã.

C. Phía Đông Trường Sơn. D. Phía Đông dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 5: Giữa và cuối mùa Hạ đồng bằng sông Hồng có mưa theo hướng

A. Tây Bắc . B. Đông Nam. C. Đông Bắc . D. Tây Nam.

Câu 6 : Nam Bộ có lượng mưa nhiều hơn đồng bằng Bắc Bộ là do

A. Địa hình chắn gió . B. Áp thấp nhiệt đới.

C. Ảnh hưởng trực tiếp gió Tây Nam. D. Không nằm trong vùng gió mùa.

Câu 7 : Đồng bằng Nam Bộ được bồi tụ nhanh ra biển theo hướng

A. Tây Bắc . B. Đông Nam.

C. Đông Bắc . D. Tây Nam.

Câu 8 : Rừng ngập mặn chủ yếu phát triển trên đất

A. Feralit. B. Phù sa. C. Badan. D. Phù sa cổ.

Câu 9 : Trước năm 1975 diện tích rừng nước ta giảm mạnh là do

A. Khai thác rừng bừa bãi. B. Lối sống du canh du cư của đồng bào dân tộc.

C. Do chiến tranh. D. Thiên tai.

Câu 10 : Sau năm 1975 diện tích rừng nước ta giảm là do

A. Khai thác rừng bừa bãi. B. Lấy đất làm nông nghiệp.

C. Lối sống du canh du cư của đồng bào dân tộc. D. Không có ý thức bảo vệ rừng.

HẾT